BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số 3024/QĐ-BVHTTDL	*Hà Nội, ngày 06 tháng 11 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch triển khai Quyết định số 1266/QĐ-TTg ngày 14/7/2026 và Quyết định số 1033/QĐ-TTg ngày 09/6/2026 của Thủ tướng Chính phủ tại Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2045

BỘ TRƯỞNG BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

Căn cứ Luật Chuyển đổi số ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 298/2026/NĐ-CP ngày 27 tháng 7 năm 2026 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Căn cứ Quyết định số 1266/QĐ-TTg ngày 14 tháng 7 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về chuyển đổi số giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2045;

Căn cứ Quyết định số 1033/QĐ-TTg ngày 09 tháng 6 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển kinh tế số và xã hội số giai đoạn 2026-2030;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Thông tin điện tử và Chuyển đổi số.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch triển khai Quyết định số 1266/QĐ-TTg ngày 14/7/2026 phê duyệt Chiến lược quốc gia về Chuyển đổi số giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2045 và Quyết định số 1033/QĐ-TTg ngày 09/6/2026 phê duyệt Chương trình phát triển kinh tế số và xã hội số giai đoạn 2026-2030 của Thủ tướng Chính phủ tại Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2045.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Thông tin điện tử và Chuyển đổi số, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ trưởng *(để báo cáo);*
- Các Thứ trưởng;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Công an;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Lưu: VT, TTĐTCĐS, NH.20.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Huy Dũng

BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH

Triển khai Quyết định số 1266/QĐ-TTg ngày 14/7/2026 và Quyết định số 1033/QĐ-TTg ngày 09/6/2026 của Thủ tướng Chính phủ tại Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2045

(Kèm theo Quyết định số 3024/QĐ-BVHTTDL ngày 06 tháng 11 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Cụ thể hóa các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ được Thủ tướng Chính phủ giao cho Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cũng như nhiệm vụ chung giao các bộ, ngành, địa phương tại Quyết định số 1266/QĐ-TTg và Quyết định số 1033/QĐ-TTg thành các nhiệm vụ, sản phẩm, tiến độ cụ thể để các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ thống nhất tổ chức thực hiện.

- Xác định rõ nội dung công việc, sản phẩm đầu ra, đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp và thời hạn hoàn thành, bảo đảm nguyên tắc "6 rõ" (rõ việc, rõ kết quả, rõ đơn vị chủ trì, rõ đơn vị phối hợp, rõ thời hạn hoàn thành và rõ trách nhiệm báo cáo), làm căn cứ theo dõi, đôn đốc, kiểm tra và đánh giá.

- Đổi mới phương thức quản trị, điều hành của Bộ dựa trên dữ liệu và trí tuệ nhân tạo; thúc đẩy chuyển đổi số toàn diện ngành văn hóa, thể thao và du lịch, phát triển kinh tế số và hình thành hệ sinh thái văn hóa số, du lịch thông minh, thể thao số một cách bền vững.

2. Yêu cầu

- Bám sát nội dung, định hướng của Chiến lược quốc gia về chuyển đổi số (Quyết định số 1266/QĐ-TTg) và Chương trình phát triển kinh tế số, xã hội số (Quyết định số 1033/QĐ-TTg); bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất, không phân tán nguồn lực.

- Các nhiệm vụ phải khả thi, đo lường được, có mốc thời gian hoàn thành rõ ràng; gắn kết chặt chẽ với công tác quản lý nhà nước chuyên ngành và hoạt động chuyên môn của từng cơ quan, đơn vị.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Đẩy mạnh chuyển đổi số toàn diện, xây dựng hạ tầng dữ liệu số ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch hiện đại, kết nối liên thông và chia sẻ đồng bộ từ trung ương đến địa phương.

- Thúc đẩy phát triển kinh tế số và xã hội số trong lĩnh vực văn hóa, di sản, công nghiệp văn hóa, thể dục thể thao và du lịch; coi dữ liệu và ứng dụng trí tuệ

nhân tạo (AI) là động lực chiến lược nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước và phát triển các sản phẩm, dịch vụ số chất lượng cao.

2. Mục tiêu cụ thể

- 100% cơ quan, đơn vị thuộc Bộ xây dựng và triển khai nhiệm vụ chuyển đổi số phù hợp chức năng, nhiệm vụ.

- 100% cơ sở dữ liệu chuyên ngành thuộc phạm vi quản lý được rà soát; các cơ sở dữ liệu đủ điều kiện được chuẩn hóa, kết nối, chia sẻ và phân quyền khai thác theo quy định.

- Hoàn thành nền tảng Kho dữ liệu dùng chung, danh mục dữ liệu, từ điển dữ liệu, siêu dữ liệu và cơ chế quản trị dữ liệu của Bộ theo lộ trình.

- 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện được cung cấp dưới dạng dịch vụ công trực tuyến toàn trình; 100% hồ sơ xử lý trên môi trường điện tử sử dụng chữ ký số chuyên dùng.

- 100% thủ tục hành chính thuộc phạm vi rà soát được đánh giá, tái cấu trúc theo yêu cầu; ưu tiên tái sử dụng dữ liệu, không yêu cầu khai báo lại thông tin đã có thể khai thác theo quy định.

- 100% cán bộ đầu mối chuyển đổi số và cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin được đào tạo, cập nhật; tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động được đào tạo về chuyển đổi số, AI và an toàn trên không gian mạng tăng theo lộ trình.

- Triển khai các nhiệm vụ ứng dụng AI có dữ liệu, bài toán, hiệu quả và cơ chế kiểm soát rủi ro rõ ràng; ưu tiên tham mưu, tra cứu, phân tích, dự báo, dịch vụ công và lĩnh vực chuyên ngành.

- Tỷ lệ cơ sở du lịch sử dụng nền tảng số phục vụ quản trị, kinh doanh du lịch đạt tối thiểu 70% vào năm 2030.

- Thực hiện đầy đủ các yêu cầu về an toàn thông tin, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân, bí mật nhà nước và chủ quyền dữ liệu trong toàn bộ vòng đời hệ thống.

- Sản phẩm, dịch vụ văn hóa, thể thao, du lịch trực tuyến được cung cấp trên các nền tảng số của ngành, bảo đảm người dân, du khách dễ dàng tiếp cận, sử dụng.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

Danh mục nhiệm vụ cụ thể tại phụ lục kèm theo Kế hoạch này.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Cục Thông tin điện tử và Chuyển đổi số

Là đơn vị đầu mối, thường trực giúp Bộ trưởng theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Kế hoạch; chủ trì tổng hợp, xây dựng báo cáo định kỳ, đột xuất của Bộ gửi Bộ Khoa học và Công nghệ và Thủ tướng Chính phủ theo quy định tại Quyết định số 1266/QĐ-TTg và Quyết định số 1033/QĐ-TTg.

Chủ trì xây dựng, cập nhật Kiến trúc dữ liệu, Khung quản trị, quản lý dữ liệu và Từ điển dữ liệu dùng chung của ngành văn hóa, thể thao và du lịch; chủ trì kết nối, chia sẻ dữ liệu của Bộ với Trung tâm dữ liệu quốc gia, Cổng dữ liệu mở quốc gia và các nền tảng dùng chung quốc gia.

Chủ trì tổ chức kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Kế hoạch; kịp thời báo cáo Bộ trưởng xem xét, điều chỉnh nhiệm vụ, tiến độ khi có thay đổi về mục tiêu, chỉ tiêu của Chiến lược quốc gia về chuyển đổi số, Chương trình phát triển kinh tế số và xã hội số hoặc khi phát sinh khó khăn, vướng mắc vượt thẩm quyền.

2. Cục Di sản văn hóa, Cục Du lịch Quốc gia Việt Nam, Cục Thể dục thể thao Việt Nam

Chủ trì tổ chức các nhiệm vụ được phân công tại Phụ lục; phối hợp với Cục Thông tin điện tử và Chuyển đổi số bảo đảm dữ liệu được chuẩn hóa, kết nối thống nhất.

3. Cục Công nghiệp văn hóa và Bản quyền tác giả

Chủ trì tổ chức các nhiệm vụ được phân công tại Phụ lục. Phối hợp xây dựng cơ chế bảo hộ bản quyền số làm nền tảng phát triển các sàn giao dịch, thương mại điện tử đối với các sản phẩm công nghiệp văn hóa.

4. Cục Báo chí; Cục Điện ảnh; Cục Nghệ thuật biểu diễn; Cục Mỹ thuật, Nhiếp ảnh và Triển lãm; Cục Văn hóa - Thông tin cơ sở và Gia đình; Cục Thông tin cơ sở và Thông tin đối ngoại; Cục Xuất bản và Thư viện

Chủ trì xây dựng CSDL chuyên ngành theo lĩnh vực quản lý; thúc đẩy phát triển các nền tảng số phân phối nội dung nghệ thuật, phim ảnh, triển lãm số. Đẩy mạnh số hóa và phát triển dữ liệu, nền tảng số trong các lĩnh vực báo chí, xuất bản, thư viện, văn hóa cơ sở, thông tin cơ sở và gia đình.

5. Vụ Khoa học công nghệ, Đào tạo và Môi trường

Tổng hợp nhu cầu, tham mưu Bộ trưởng đề xuất cấp có thẩm quyền bố trí nguồn lực triển khai các nhiệm vụ tại phụ lục kèm theo Kế hoạch.

Chủ trì thẩm định, tổng hợp dự toán kinh phí thực hiện Kế hoạch vào dự toán ngân sách hằng năm của Bộ theo quy định của pháp luật.

6. Văn phòng Bộ

Phối hợp đôn đốc các cơ quan, đơn vị có thủ tục hành chính trong việc kiểm soát, tái cấu trúc quy trình, đơn giản hóa thủ tục hành chính theo chức năng, thẩm quyền, thực hiện nguyên tắc không yêu cầu người dân, doanh nghiệp khai báo lại thông tin đã có trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

Chủ trì triển khai các quy trình quản lý, điều hành nội bộ, gửi/nhận, xử lý văn bản điện tử, hồ sơ công việc và chế độ báo cáo nội bộ trong cơ quan Bộ.

Bảo đảm duy trì, nâng cao hiệu quả việc gửi, nhận, xử lý văn bản điện tử; sử dụng chữ ký số chuyên dùng và lập, số hóa, lưu trữ hồ sơ công việc điện tử theo quy định.

Chủ trì xây dựng, trình Bộ trưởng ban hành Quy định về nguyên tắc và Danh mục thủ tục hành chính thiết yếu thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch theo đúng chức năng, nhiệm vụ được giao.

7. Vụ Pháp chế

Phối hợp đôn đốc, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị có cơ sở dữ liệu chuyên ngành để rà soát văn bản quy phạm pháp luật và tham mưu, đề xuất hoàn thiện hành lang pháp lý, chính sách tạo thuận lợi cho việc hình thành, kết nối, chia sẻ dữ liệu số và phát triển kinh tế số trong ngành văn hóa, thể thao và du lịch.

8. Cục Hợp tác quốc tế

Chủ trì triển khai các hoạt động hợp tác quốc tế về chuyển đổi số, văn hóa số có liên quan tại Phụ lục.

9. Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao chủ trì/phối hợp đối với các nhiệm vụ tại Phụ lục Kế hoạch này, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ có trách nhiệm trực tiếp chỉ đạo, cụ thể hóa thành kế hoạch hằng năm của đơn vị; xác định rõ lộ trình, phân công rõ người, rõ việc, rõ kết quả và thời hạn hoàn thành.

- Các cơ quan, đơn vị có thủ tục hành chính

Chủ trì thực hiện tái cấu trúc quy trình nghiệp vụ đối với từng thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực được giao quản lý; bảo đảm thực hiện nguyên tắc cắt giảm tối đa giấy tờ, không yêu cầu người dân, doanh nghiệp khai báo lại thông tin đã có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các cơ sở dữ liệu quốc gia khác.

Chủ trì rà soát, chuẩn hóa, điện tử hóa các quy trình nghiệp vụ chuyên ngành, biểu mẫu, chế độ báo cáo chuyên ngành thuộc phạm vi quản lý nhà nước của đơn vị.

Phối hợp với Văn phòng Bộ và Cục Thông tin điện tử và Chuyển đổi số trong quá trình rà soát, kết nối, chia sẻ dữ liệu giải quyết thủ tục hành chính và điện tử hóa quy trình làm việc.

10. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố

Đề nghị UBND các tỉnh, thành phố chỉ đạo các Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Du lịch tổ chức số hóa dữ liệu di sản văn hóa, danh lam thắng cảnh, điểm đến du lịch, cơ sở thể thao trên địa bàn; thực hiện chuẩn hóa và kết nối, chia sẻ dữ liệu về Kho dữ liệu dùng chung của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch theo đúng hướng dẫn kỹ thuật.

Triển khai rộng rãi các nền tảng số dùng chung của ngành theo quy định.

11. Quy định chuyển tiếp

Trường hợp các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ có sự thay đổi về tên gọi, chức năng, nhiệm vụ hoặc khi thực hiện tổ chức lại bộ máy theo quyết định của cấp có thẩm quyền, cơ quan hoặc tổ chức kế thừa chức năng, nhiệm vụ của đơn vị cũ có trách nhiệm tiếp tục tiếp nhận và tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ được phân công tại Kế hoạch này, bảo đảm tính liên tục, không làm gián đoạn tiến độ và chất lượng công việc triển khai Quyết định số 1266/QĐ-TTg và Quyết định số 1033/QĐ-TTg.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bảo đảm từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp hiện hành, được lồng ghép trong dự toán chi thường xuyên và các chương trình, đề án, dự án đầu tư công có liên quan đã và đang triển khai của Bộ;

sử dụng Quỹ phát triển dữ liệu quốc gia theo quy định của pháp luật và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

Chi phí vận hành, bảo trì các hệ thống, cơ sở dữ liệu, nền tảng số sau khi hoàn thành đầu tư được bố trí từ nguồn chi thường xuyên hằng năm của Bộ và các đơn vị liên quan.

VI. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO, KIỂM TRA

Các cơ quan, đơn vị được giao chủ trì tại Phụ lục có trách nhiệm xây dựng kế hoạch chi tiết, tổ chức triển khai thực hiện; định kỳ trước ngày 15 tháng 6 và ngày 30 tháng 11 hằng năm báo cáo kết quả thực hiện, gửi Cục Thông tin điện tử và Chuyển đổi số để tổng hợp, báo cáo Lãnh đạo Bộ theo quy định.

Trong quá trình triển khai thực hiện, trường hợp phát sinh khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị kịp thời báo cáo về Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (qua Cục Thông tin điện tử và Chuyển đổi số) để tổng hợp, tham mưu Lãnh đạo Bộ xem xét, quyết định theo thẩm quyền./.

PHỤ LỤC

Danh mục nhiệm vụ trọng tâm triển khai Quyết định số 1266/QĐ-TTg ngày 14/7/2026 và Quyết định số 1033/QĐ-TTg ngày 09/6/2026 của Thủ tướng Chính phủ tại Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2045

(Kèm theo Quyết định số 3024/QĐ-BVHTTDL ngày 06 tháng 11 năm 2026 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)

STT	Căn cứ	Nhiệm vụ trọng tâm giai đoạn 2026–2030	Nhiệm vụ ưu tiên năm 2026	Sản phẩm đầu ra	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Tiến độ	Chỉ tiêu theo dõi, đánh giá
I.	**HOÀN THIỆN THỂ CHẾ, QUẢN TRỊ SỐ VÀ DỮ LIỆU**							
1.	Quyết định số 1266/QĐ-TTg	Rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung hệ thống văn bản quy phạm pháp luật trong các lĩnh vực chuyên ngành để đáp ứng yêu cầu điều chỉnh các mối quan hệ mới phát sinh trong tiến trình chuyển đổi số, khuyến khích đổi mới sáng tạo.	Rà soát các văn bản thuộc phạm vi quản lý của Bộ; xác định các nội dung cần sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc ban hành mới.	Báo cáo rà soát; danh mục văn bản và đề xuất xử lý.	Các Cục, Vụ, đơn vị thuộc Bộ có CSDL chuyên ngành	Vụ Pháp chế; Cục Thông tin điện tử và Chuyển đổi số	Thường xuyên	100% lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý được rà soát; các nội dung cần xử lý được xác định rõ.
2.	Quyết định số 1266/QĐ-TTg	Rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về doanh nghiệp, khởi nghiệp sáng tạo, sở hữu trí tuệ, thương mại, đầu tư, kinh doanh để tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình chuyển đổi số và phát triển các sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh doanh mới dựa trên	Rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ, tập trung vào các quy định liên quan đến phát triển sản phẩm, dịch vụ số; nội dung số; sở hữu trí tuệ đối với sản phẩm, tài nguyên và dữ liệu	Báo cáo rà soát; danh mục văn bản, quy định cần sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc ban hành mới; hồ sơ đề xuất xử lý theo thẩm quyền; văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung hoặc ban	Các Cục, Vụ, đơn vị thuộc Bộ có CSDL chuyên ngành	Vụ Pháp chế; Cục Thông tin điện tử và Chuyển đổi số	Thường xuyên	100% văn bản, quy định thuộc phạm vi quản lý của Bộ có liên quan đến chuyển đổi số, sản phẩm, dịch vụ số và mô hình kinh doanh mới được rà soát theo yêu cầu; 100% vấn đề

STT	Căn cứ	Nhiệm vụ trọng tâm giai đoạn 2026–2030	Nhiệm vụ ưu tiên năm 2026	Sản phẩm đầu ra	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Tiến độ	Chỉ tiêu theo dõi, đánh giá
		công nghệ số, Internet và không gian mạng.	số; hoạt động kinh doanh, cung cấp dịch vụ trên môi trường số; khởi nghiệp sáng tạo và ứng dụng công nghệ số trong các lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch. Xác định các quy định còn bất cập, chồng chéo, chưa phù hợp hoặc cần bổ sung để đề xuất cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc ban hành mới.	hành mới theo chương trình xây dựng pháp luật được cấp có thẩm quyền phê duyệt				pháp lý phát hiện qua rà soát được phân loại, xác định hướng xử lý; các đề xuất sửa đổi, bổ sung được tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền theo quy định.
3.	Quyết định số 1266/QĐ-TTg	Xây dựng, ban hành quy chuẩn kỹ thuật, đề nghị công bố tiêu chuẩn quốc gia đối với các sản phẩm, hàng hóa, quy trình, dịch vụ phục vụ chuyển đổi số trong các ngành, lĩnh vực.	Rà soát nhu cầu tiêu chuẩn, quy chuẩn trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ; xác định danh mục cần xây dựng, đề nghị công bố.	Danh mục tiêu chuẩn, quy chuẩn cần xây dựng; hồ sơ đề nghị theo thẩm quyền.	Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ	Cục Thông tin điện tử và Chuyển đổi số; Vụ Pháp chế	Thường xuyên	Danh mục tiêu chuẩn, quy chuẩn được rà soát, cập nhật hằng năm.
4.	Quyết định số 1266/QĐ-TTg	Chuẩn hóa, điện tử hóa quy trình nghiệp vụ xử lý hồ sơ trên môi trường mạng, biểu mẫu, chế độ	Rà soát, đánh giá hiện trạng quy trình xử lý công việc, hồ sơ, biểu	(1) Báo cáo rà soát, đánh giá hiện trạng;	Các cơ quan, đơn vị có TTHC	Cục Thông tin điện tử và Chuyển đổi số	2026-2030	(1) 100% quy trình nghiệp vụ, biểu mẫu, chế độ báo cáo

STT	Căn cứ	Nhiệm vụ trọng tâm giai đoạn 2026–2030	Nhiệm vụ ưu tiên năm 2026	Sản phẩm đầu ra	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Tiến độ	Chỉ tiêu theo dõi, đánh giá
		báo cáo; tăng cường gửi, nhận văn bản, báo cáo điện tử tích hợp chữ ký số giữa các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội và các doanh nghiệp; thực hiện số hóa hồ sơ, lưu trữ hồ sơ công việc điện tử của các cơ quan nhà nước theo quy định.	mẫu, chế độ báo cáo và việc gửi, nhận văn bản điện tử trong các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ; xác định các quy trình cần chuẩn hóa, điện tử hóa và các hồ sơ cần số hóa. Ưu tiên chuẩn hóa các quy trình xử lý công việc nội bộ, chế độ báo cáo, quản lý văn bản và hồ sơ công việc; hoàn thiện việc gửi, nhận văn bản điện tử, sử dụng chữ ký số và lưu trữ hồ sơ công việc điện tử theo quy định	(2) Danh mục quy trình nghiệp vụ, biểu mẫu, chế độ báo cáo cần chuẩn hóa, điện tử hóa; (3) Quy trình nghiệp vụ được chuẩn hóa, điện tử hóa; (4) Hồ sơ công việc được số hóa, lưu trữ điện tử; (5) Báo cáo kết quả triển khai hằng năm.	(quy trình nghiệp vụ chuyên ngành); Văn phòng Bộ (quy trình quản lý, điều hành nội bộ, văn bản điện tử, hồ sơ công việc)			thuộc phạm vi rà soát được thống kê, phân loại; (2) 100% quy trình được xác định cần điện tử hóa có lộ trình thực hiện; (3) 100% văn bản điện tử thuộc phạm vi thực hiện được gửi, nhận và xử lý trên môi trường mạng theo quy định; (4) Hồ sơ công việc phát sinh được lập, số hóa và lưu trữ điện tử theo quy định; (5) 100% đơn vị thuộc Bộ thực hiện chế độ báo cáo điện tử theo quy định của Bộ.
II.	**PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG SỐ**							

STT	Căn cứ	Nhiệm vụ trọng tâm giai đoạn 2026–2030	Nhiệm vụ ưu tiên năm 2026	Sản phẩm đầu ra	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Tiến độ	Chỉ tiêu theo dõi, đánh giá
5.	Quyết định số 1266/QĐ-TTg	Tái cấu trúc hạ tầng công nghệ thông tin của Bộ, chuyển đổi hạ tầng công nghệ thông tin thành hạ tầng số ứng dụng công nghệ điện toán đám mây phục vụ kết nối, quản lý các nguồn lực, dữ liệu của cơ quan nhà nước một cách an toàn, linh hoạt, ổn định và hiệu quả.	Rà soát hiện trạng hạ tầng số của Bộ; xây dựng phương án tái cấu trúc, ưu tiên hạ tầng dùng chung, điện toán đám mây và kết nối liên thông.	Báo cáo hiện trạng; phương án/lộ trình tái cấu trúc hạ tầng số.	Cục Thông tin điện tử và Chuyển đổi số	Văn phòng Bộ; các đơn vị thuộc Bộ; Bộ KH&CN	Thường xuyên	Hạ tầng số của Bộ được rà soát, tái cấu trúc theo lộ trình.
6.	Quyết định số 1266/QĐ-TTg	Ưu tiên hạ tầng triển khai bản sao số, hệ thống phân tích, mô phỏng, dự báo và hỗ trợ ra quyết định trong các lĩnh vực có nhu cầu điều hành thời gian thực và dịch vụ công thiết yếu.	Rà soát khả năng ứng dụng bản sao số, phân tích, dự báo trong quản lý nhà nước lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch; lựa chọn lĩnh vực ưu tiên.	Danh mục lĩnh vực, nhiệm vụ ưu tiên; mô hình thử nghiệm phù hợp.	Các Cục, Vụ thuộc Bộ	Cục Thông tin điện tử và Chuyển đổi số	2026-2030	Hằng năm có danh mục nhiệm vụ/mô hình được lựa chọn và triển khai.
III.	**PHÁT TRIỂN DỮ LIỆU VÀ NỀN TẢNG SỐ**							
7.	Quyết định số 1266/QĐ-TTg	Xây dựng kho dữ liệu dùng chung để tập hợp dữ liệu đa dạng (cấu trúc và phi cấu trúc). Phát	Rà soát, chuẩn hóa dữ liệu; xây dựng lộ trình Kho dữ liệu dùng chung	Kho dữ liệu; hệ thống xử lý, phân tích dữ	Cục Thông tin điện tử và	Các Cục, Vụ thuộc Bộ	2026-2030	Dữ liệu thuộc phạm vi quản lý được chuẩn hóa, kết nối và

STT	Căn cứ	Nhiệm vụ trọng tâm giai đoạn 2026–2030	Nhiệm vụ ưu tiên năm 2026	Sản phẩm đầu ra	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Tiến độ	Chỉ tiêu theo dõi, đánh giá
		triển hệ thống xử lý dữ liệu thông minh riêng để xử lý, phân tích và khai phá dữ liệu nhằm tạo ra các thông tin giá trị phục vụ chỉ đạo điều hành.	của Bộ gắn với Kho dữ liệu văn hóa số quốc gia.	liệu; danh mục dữ liệu.	Chuyển đổi số			sẵn sàng khai thác theo lộ trình.
8.	Quyết định số 1266/QĐ-TTg	Đẩy nhanh tiến độ xây dựng các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ yêu cầu quản lý nhà nước đối với các ngành, lĩnh vực và hỗ trợ doanh nghiệp phát triển.	Rà soát, cập nhật danh mục cơ sở dữ liệu chuyên ngành của Bộ; ưu tiên các cơ sở dữ liệu có nhu cầu kết nối, chia sẻ và khai thác dùng chung.	Danh mục CSDL; kế hoạch/lộ trình xây dựng, hoàn thiện, kết nối.	Các cơ quan có CSDL	Cục Thông tin điện tử và Chuyển đổi số	2026-2030	100% CSDL chuyên ngành thuộc phạm vi quản lý được rà soát; CSDL đủ điều kiện được kết nối, chia sẻ.
9.	Quyết định số 1266/QĐ-TTg	Thực hiện tái cấu trúc quy trình nghiệp vụ đối với 100% thủ tục hành chính thiết yếu theo hướng cắt giảm tối đa giấy tờ, bắt buộc áp dụng nguyên tắc người dân không phải khai báo lại các thông tin đã có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.	Xây dựng Nguyên tắc, ban hành Danh mục TTHC thiết yếu và triển khai tái cấu trúc quy trình nghiệp vụ đối với các TTHC thiết yếu thuộc phạm vi quản lý của Bộ.	(1) Báo cáo rà soát, đánh giá hiện trạng; (2) Danh mục 100% thủ tục hành chính thiết yếu thuộc phạm vi thực hiện; (3) Phương án tái cấu trúc quy trình nghiệp vụ đối với từng thủ tục; (4) Quy trình, thành phần hồ	Văn phòng Bộ (Nguyên tắc, Danh mục TTHC); các cơ quan, đơn vị có TTHC (tái cấu trúc quy trình từng thủ tục)	Cục Thông tin điện tử và Chuyển đổi số	2026	100% thủ tục hành chính thiết yếu thuộc phạm vi thực hiện được rà soát và có phương án tái cấu trúc

STT	Căn cứ	Nhiệm vụ trọng tâm giai đoạn 2026–2030	Nhiệm vụ ưu tiên năm 2026	Sản phẩm đầu ra	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Tiến độ	Chỉ tiêu theo dõi, đánh giá
				sơ và biểu mẫu được cắt giảm, đơn giản hóa; (5) Các thủ tục được tích hợp, kết nối, khai thác dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo quy định;				
10.	Quyết định số 1266/QĐ-TTg	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình đối với 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện; tăng tỷ lệ hồ sơ được xử lý hoàn toàn trực tuyến; số hóa, tái sử dụng dữ liệu trong giải quyết thủ tục hành chính.	Rà soát danh mục thủ tục hành chính đủ điều kiện cung cấp trực tuyến toàn trình; tích hợp, cung cấp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.	Danh mục TTHC cung cấp trực tuyến toàn trình; dịch vụ công trực tuyến toàn trình được tích hợp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.	Các cơ quan, đơn vị có TTHC	Văn phòng Bộ; Cục Thông tin điện tử và Chuyển đổi số	2026-2030	100% TTHC đủ điều kiện được cung cấp dưới dạng dịch vụ công trực tuyến toàn trình; tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến toàn trình tăng hằng năm.
11.	Quyết định số 1266/QĐ-TTg	Phát triển, thử nghiệm, ứng dụng và nhân rộng các nền tảng AI dùng chung và AI chuyên ngành phục vụ chỉ đạo, điều hành, cung cấp dịch vụ công, quản lý nhà nước và phát triển ngành, lĩnh vực.	Lựa chọn các bài toán ưu tiên ứng dụng AI trong quản lý, bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa, thể thao, du lịch và phục vụ người dân, doanh nghiệp.	Danh mục bài toán AI; mô hình thử nghiệm; báo cáo đánh giá.	Các cục chuyên ngành	Cục Thông tin điện tử và Chuyển đổi số, doanh nghiệp công nghệ số	2026-2030	Từ năm 2027, triển khai, đánh giá ít nhất 01 mô hình AI của ngành.

STT	Căn cứ	Nhiệm vụ trọng tâm giai đoạn 2026–2030	Nhiệm vụ ưu tiên năm 2026	Sản phẩm đầu ra	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Tiến độ	Chỉ tiêu theo dõi, đánh giá
12.	Quyết định số 1266/QĐ-TTg	Ứng dụng AI để hỗ trợ người dân thực hiện thủ tục, tự động điền biểu mẫu và tự động thẩm định các hồ sơ đơn giản nhằm chuyển từ dịch vụ công trực tuyến sang dịch vụ công trực tuyến tự động	Rà soát thủ tục hành chính có khả năng ứng dụng AI hỗ trợ kê khai, tự động điền biểu mẫu.	(1) Danh mục thủ tục hành chính được lựa chọn để ứng dụng AI; (2) Báo cáo rà soát, đánh giá khả năng ứng dụng AI đối với từng thủ tục (3) Phương án/quy trình ứng dụng AI; (4) Mô hình hoặc giải pháp AI hỗ trợ người dân kê khai, tự động điền biểu mẫu, kiểm tra và phân loại hồ sơ; (5) Báo cáo đánh giá kết quả thử nghiệm và phương án nhân rộng.	Cục Thông tin điện tử và Chuyển đổi số; Văn phòng Bộ	Các cơ quan, đơn vị có TTHC	2026-2030	(1) 100% thủ tục hành chính được lựa chọn ứng dụng AI được đánh giá khả năng và xác định rõ phạm vi ứng dụng; (2) triển khai thử nghiệm AI đối với các thủ tục đủ điều kiện theo lộ trình được phê duyệt; (3) Báo cáo đánh giá hàng năm
13.	Quyết định số 1266/QĐ-TTg	Cung cấp dữ liệu mở, hiện trạng và lộ trình xây dựng dữ liệu trong các cơ quan nhà nước, mức độ chia sẻ, sử dụng dữ liệu và các thông tin	Rà soát danh mục dữ liệu có thể công khai, chia sẻ	Danh mục dữ liệu mở; lộ trình cung cấp, chia sẻ dữ liệu.	Cục Thông tin điện tử và Chuyển đổi số	Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ	2026-2030	Danh mục dữ liệu mở được rà soát, cập nhật hằng năm.

STT	Căn cứ	Nhiệm vụ trọng tâm giai đoạn 2026–2030	Nhiệm vụ ưu tiên năm 2026	Sản phẩm đầu ra	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Tiến độ	Chỉ tiêu theo dõi, đánh giá
		cần thiết để kết nối; đánh giá, xếp hạng công khai mức độ phát triển dữ liệu của bộ						
14.	Quyết định số 1033/QĐ-TTg	Xây dựng và vận hành Hệ thống thông tin và CSDL số chuyên ngành du lịch; Công bố danh mục dữ liệu mở tạo điều kiện cho doanh nghiệp và cộng đồng khai thác, phát triển các sản phẩm, dịch vụ mới trong lĩnh vực du lịch.	Rà soát, chuẩn hóa cấu trúc dữ liệu du lịch; ban hành Quyết định Danh mục dữ liệu mở ngành du lịch đợt 1	(1) CSDL du lịch được tạo lập, vận hành; (2) Danh mục dữ liệu mở du lịch được công bố công khai	Cục Du lịch quốc gia Việt Nam	Cục Thông tin điện tử và Chuyển đổi số	Thường xuyên	100% CSDL ngành du lịch được chuẩn hóa; Dữ liệu mở du lịch được công bố
15.	Quyết định số 1033/QĐ-TTg	Triển khai hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa hoạt động trong lĩnh vực du lịch chuyển đổi số (lưu trú, lữ hành, ăn uống, điểm đến thông minh…).	Ban hành Hướng dẫn chuyển đổi số cho doanh nghiệp nhỏ và vừa du lịch	Các hoạt động, tài liệu và chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa du lịch chuyển đổi số được triển khai diện rộng	Cục Du lịch quốc gia Việt Nam	Vụ Kế hoạch, Tài chính; Cục Thông tin điện tử và Chuyển đổi số	Thường xuyên	Các doanh nghiệp nhỏ và vừa được tập huấn, hỗ trợ công cụ số
16.	Quyết định số 1033/QĐ-TTg	Đổi mới mô hình chương trình du lịch thông qua đa dạng hóa hình thức tổ chức tour; phát triển các sản phẩm du lịch số như tham quan ảo, thực tế mở rộng, mô phỏng hành	Xây dựng thí điểm các tour du lịch thực tế ảo 360° tại các di tích quốc gia đặc biệt và di sản thế giới; tích hợp AI cá nhân hóa	Sản phẩm du lịch số qua ứng dụng công nghệ VR/AR/360° được cung cấp rộng rãi	Cục Du lịch quốc gia Việt Nam	Cục Thông tin điện tử và Chuyển đổi số	Thường xuyên	Hoàn thành số hóa 3D/VR 360° cho các điểm đến trọng điểm giai đoạn 2026-2030

STT	Căn cứ	Nhiệm vụ trọng tâm giai đoạn 2026–2030	Nhiệm vụ ưu tiên năm 2026	Sản phẩm đầu ra	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Tiến độ	Chỉ tiêu theo dõi, đánh giá
		trình và trải nghiệm 360°.	hành trình du khách					
17.	Quyết định số 1033/QĐ-TTg	Thúc đẩy liên thông các nền tảng du lịch số trong ASEAN; triển khai cơ chế hợp tác "Du lịch số ASEAN" nhằm mang lại trải nghiệm toàn trình (đặt chỗ, thanh toán, bản đồ số, đánh giá dịch vụ, trải nghiệm ảo).	Tham gia các phiên họp kỹ thuật ASEAN về chuẩn kết nối dữ liệu du lịch; thử nghiệm kết nối Cổng thông tin du lịch Việt Nam với Nền tảng Du lịch số ASEAN	Nền tảng số du lịch trong nước được kết nối liên thông thành công với quốc tế	Cục Du lịch quốc gia Việt Nam	Cục Hợp tác quốc tế	Thường xuyên	Thử nghiệm thành công kết nối API dữ liệu du lịch với 01-03 quốc gia ASEAN
18.	Quyết định số 1033/QĐ-TTg	Nâng cấp, hoàn thiện và thúc đẩy liên thông Nền tảng, cơ sở dữ liệu quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa; số hóa di sản văn hóa và cập nhật vào nền tảng số.	Xây dựng Kế hoạch nâng cấp hoàn thiện, nâng cấp Nền tảng CSDL quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa; tích hợp dữ liệu số hóa di sản từ các tỉnh, thành phố về Kho dữ liệu dùng chung của Bộ	Kết nối các nền tảng, CSDL di sản văn hóa toàn quốc, cập nhật CSDL quốc gia	Cục Di sản văn hóa	Cục Thông tin điện tử và Chuyển đổi số	Thường xuyên	100% hồ sơ, tài liệu về di sản văn hoá được xếp hạng/công nhận/ghi danh cấp quốc gia trở lên được số hoá, định danh và cập nhật vào Nền tảng CSDL quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa
19.	Quyết định số 1033/QĐ-TTg	Phát triển Ứng dụng quốc gia về văn hóa	Rà soát toàn bộ các hệ thống, ứng dụng, CSDL hiện có về văn hóa (các ứng dụng bảo tàng,	Phiên bản thử nghiệm Ứng dụng quốc gia về văn hóa chính thức hoàn	Cục Nghệ thuật biểu diễn, Cục Điện ảnh; Cục Di	Cục Thông tin điện tử và Chuyển đổi số	2026 - 2028	Ứng dụng quốc gia về văn hóa được triển khai và

STT	Căn cứ	Nhiệm vụ trọng tâm giai đoạn 2026–2030	Nhiệm vụ ưu tiên năm 2026	Sản phẩm đầu ra	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Tiến độ	Chỉ tiêu theo dõi, đánh giá
			di tích, bản quyền, di sản phi vật thể...) để tránh trùng lặp và xác định phương án tích hợp	thành và đưa vào sử dụng	sản văn hóa			chạy thử nghiệm
20.	Quyết định số 1033/QĐ-TTg	Xây dựng và triển khai Đề án về phát triển công nghiệp nội dung số Việt Nam giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2035	Tờ trình, dự thảo Đề án trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trong Quý IV/2026	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển công nghiệp nội dung số	Cục Công nghiệp văn hóa và Bản quyền tác giả	Các cơ quan, đơn vị có liên quan thuộc Bộ	2026	100% hồ sơ Đề án hoàn thành trình Thủ tướng Chính phủ đúng hạn Quý IV/2026; Quyết định phê duyệt Đề án được ban hành
21.	Quyết định số 1033/QĐ-TTg	Phát triển nền tảng phân phối nội dung số, công cụ bảo vệ bản quyền, ứng dụng phân tích dữ liệu, công nghệ số trong một số lĩnh vực của văn hóa.	Nghiên cứu giải pháp kỹ thuật rà quét bản quyền tự động trên internet; xây dựng khung tiêu chuẩn phân phối nội dung số.	Nền tảng phân phối nội dung số và công cụ bảo vệ bản quyền được triển khai vận hành	Cục Công nghiệp văn hóa và Bản quyền tác giả	Các cơ quan, đơn vị có liên quan thuộc Bộ	2026-2028	Ban hành Khung kỹ thuật bảo vệ bản quyền số; thử nghiệm công cụ rà quét tự động phát hiện vi phạm bản quyền đối với phim và âm nhạc số.
22.	Quyết định số 1033/QĐ-TTg	Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số tiên tiến (như 3D, thực tế ảo (VR), thực tế tăng	Nghiên cứu giải pháp công nghệ	Di sản văn hóa được số hóa, một số giải pháp công nghệ được	Cục Di sản văn hóa	Vụ Khoa học công nghệ, Đào	Thường xuyên	Hằng năm có danh mục di sản được số hóa và giải

STT	Căn cứ	Nhiệm vụ trọng tâm giai đoạn 2026–2030	Nhiệm vụ ưu tiên năm 2026	Sản phẩm đầu ra	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Tiến độ	Chỉ tiêu theo dõi, đánh giá
		cường (AR), thực tế hỗn hợp (MR), trí tuệ nhân tạo (AI)...) trong hoạt động số hóa di sản văn hóa để lưu trữ, bảo vệ, quảng bá và phát huy giá trị di sản văn hóa.		ứng dụng để phục vụ công tác bảo vệ và phát huy giá trị		tạo và Môi trường; Cục Thông tin điện tử và Chuyển đổi số; Các cơ quan, đơn vị có liên quan thuộc Bộ		pháp công nghệ được ứng dụng; kết quả số hóa được cập nhật vào cơ sở dữ liệu
23.	Quyết định số 1033/QĐ-TTg	Thúc đẩy phát triển nền tảng số "Quản trị và Kinh doanh du lịch"	Ban hành quy định kết nối API với các phần mềm quản trị du lịch tư nhân; tổ chức phổ biến triển khai Nền tảng tới các tỉnh/thành.	Nền tảng số Quản trị và Kinh doanh du lịch được đưa vào sử dụng rộng rãi trên toàn quốc	Cục Du lịch Quốc gia Việt Nam	Các cơ quan, đơn vị có liên quan thuộc Bộ	2026-2028	Tối thiểu 30% doanh nghiệp du lịch cả nước kết nối tài khoản trên Nền tảng năm 2026 (hướng tới 70% vào 2030); 100% Sở Du lịch địa phương sử dụng nền tảng.
24.	Quyết định số 1033/QĐ-TTg	Xây dựng phương pháp, công cụ đo lường và tổ chức điều tra, thống kê, định kỳ công bố tỷ lệ cơ sở du lịch sử dụng nền tảng số	Khảo sát xây dựng Bộ tiêu chí và Phương pháp đo lường chuẩn hóa	Quyết định ban hành Bộ tiêu chí	Cục Du lịch Quốc gia Việt Nam	Các cơ quan, đơn vị có liên quan thuộc Bộ	2026-2030	01 Báo cáo kết quả thống kê chính thức hằng năm

STT	Căn cứ	Nhiệm vụ trọng tâm giai đoạn 2026–2030	Nhiệm vụ ưu tiên năm 2026	Sản phẩm đầu ra	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Tiến độ	Chỉ tiêu theo dõi, đánh giá
25.	Quyết định số 1033/QĐ-TTg	Xây dựng Cơ sở dữ liệu số ngành thể dục thể thao; đẩy mạnh phát triển thể thao số, ứng dụng công nghệ số tiên tiến (AI, 3D/VR, phân tích dữ liệu lớn) trong công tác quản lý, huấn luyện, thi đấu..	Rà soát CSDL ngành thể dục thể thao	Hệ thống Cơ sở dữ liệu số ngành thể dục thể thao được tạo lập, đưa vào vận hành chính thức và kết nối, chia sẻ dữ liệu về Kho dữ liệu dùng chung của Bộ VHTTDL	Cục Thể dục thể thao Việt Nam	Cục Thông tin điện tử và Chuyển đổi số.	Thường xuyên	Báo cáo kết quả rà soát, đánh giá hiện trạng và Báo cáo tổng kết triển khai hằng năm
IV.	**PHÁT TRIỂN NHÂN LỰC SỐ**							
26.	Quyết định số 1266/QĐ-TTg	Xây dựng chương trình tiếp tục nâng cao nhận thức, đào tạo, tập huấn kỹ năng về chuyển đổi số, kỹ năng sử dụng AI, kỹ năng an toàn trên không gian mạng cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan nhà nước và người dân.	Xây dựng chương trình, kế hoạch đào tạo, tập huấn năm 2026; ưu tiên đào tạo cán bộ đầu mối chuyển đổi số và cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin	Chương trình đào tạo, tập huấn	Cục Thông tin điện tử và Chuyển đổi số	Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ	2026-2030	(1) 100% nhóm đối tượng thuộc phạm vi đào tạo của Bộ được xác định nhu cầu và yêu cầu kỹ năng; (2) Chương trình, tài liệu đào tạo được xây dựng, cập nhật theo từng nhóm đối tượng;
27.	Quyết định số 1266/QĐ-TTg	Chủ trì tổ chức phổ biến, truyền thông, triển khai hiệu quả Bộ Quy tắc ứng xử văn hóa trên	Tổ chức phổ biến, truyền thông Bộ Quy tắc ứng xử văn hóa trên môi	Tài liệu truyền thông; báo cáo đánh giá; nội dung cập nhật	Cục Thông tin điện tử và	Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ	Thường xuyên	Hằng năm tổ chức phổ biến, truyền thông; định kỳ đánh

STT	Căn cứ	Nhiệm vụ trọng tâm giai đoạn 2026–2030	Nhiệm vụ ưu tiên năm 2026	Sản phẩm đầu ra	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Tiến độ	Chỉ tiêu theo dõi, đánh giá
		môi trường số; tiếp tục nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế để cập nhật, bổ sung các quy tắc ứng xử phù hợp với thực tiễn phát triển của hệ sinh thái số trong giai đoạn tiếp theo.	trường số; rà soát, đánh giá việc thực hiện.	Bộ Quy tắc khi cần thiết.	Chuyển đổi số			giá kết quả thực hiện.
28.	Quyết định số 1266/QĐ-TTg	Chủ trì định hướng, thúc đẩy mạng xã hội Việt Nam phát triển an toàn, lành mạnh, trở thành công cụ lưu giữ, lan tỏa giá trị văn hóa Việt Nam; khuyến khích phát triển các sản phẩm, nội dung số có giá trị giáo dục, phù hợp với truyền thống văn hóa Việt Nam; triển khai chiến dịch nâng cao năng lực số cho người dân, đặc biệt là trẻ em; triển khai các giải pháp hiệu quả chống lại sự xâm nhập của các yếu tố ngoại lai phản cảm, phi	Xây dựng chương trình, kế hoạch truyền thông và định hướng nội dung; triển khai các hoạt động nâng cao năng lực số, văn hóa số.	Kế hoạch/chương trình; chiến dịch truyền thông; báo cáo đánh giá.	Cục Thông tin điện tử và Chuyển đổi số	Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ	Thường xuyên	Hằng năm triển khai các hoạt động/chiến dịch theo kế hoạch; có báo cáo đánh giá kết quả.

STT	Căn cứ	Nhiệm vụ trọng tâm giai đoạn 2026–2030	Nhiệm vụ ưu tiên năm 2026	Sản phẩm đầu ra	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Tiến độ	Chỉ tiêu theo dõi, đánh giá
		văn hóa trên môi trường số.						
29.	Quyết định số 1033/QĐ-TTg	Xây dựng chương trình đào tạo 5.000 nhân lực phát triển game Việt Nam phục vụ giáo dục lịch sử, văn hóa Việt Nam	Khảo sát nhu cầu đào tạo nhân lực game	Quyết định phê duyệt Chương trình	Tổng công ty Truyền thông đa phương tiện Việt Nam (VTC)	Cục Di sản văn hóa, Cục Điện ảnh; Cục Công nghiệp văn hóa và Bản quyền tác giả	2027-2028	Khung chương trình đào tạo được ban hành; phấn đấu lũy kế đạt 5.000 nhân lực game đến năm 2028.
V.	**PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP CÔNG NGHỆ SỐ**							
30.	Quyết định số 1266/QĐ-TTg	Mở rộng, phát triển kinh tế số từ việc số hóa, chuyển đổi các hoạt động kinh tế hiện hữu lên môi trường số đến kiến tạo các mô hình kinh doanh mới, ngành nghề mới và không gian tăng trưởng mới dựa trên công nghệ số, ưu tiên phát triển các mô hình kinh tế số dựa trên công nghệ số chiến lược.		Báo cáo đánh giá hiện trạng và tiềm năng phát triển kinh tế số trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ;	Vụ Kế hoạch, Tài chính	Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ	2026-2030	Hoàn thành rà soát, đánh giá tiềm năng phát triển kinh tế số trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ
VI.	**TĂNG CƯỜNG HỢP TÁC QUỐC TẾ**							

STT	Căn cứ	Nhiệm vụ trọng tâm giai đoạn 2026–2030	Nhiệm vụ ưu tiên năm 2026	Sản phẩm đầu ra	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Tiến độ	Chỉ tiêu theo dõi, đánh giá
31.	Quyết định số 1266/QĐ-TTg	Chủ động hợp tác quốc tế trong việc tham gia quản lý các tài nguyên chung trong môi trường số và trên không gian mạng; tham gia các tổ chức quốc tế và chủ trì, dẫn dắt triển khai một số sáng kiến về chuyển đổi số.	Lồng ghép nội dung chuyển đổi số, văn hóa số trong các chương trình hợp tác quốc tế của Bộ.	Chương trình, hoạt động hợp tác quốc tế; báo cáo kết quả.	Cục Hợp tác quốc tế	Vụ Khoa học công nghệ, Đào tạo và Môi trường; Cục Thông tin điện tử và Chuyển đổi số	2026-2030	(1) Hoàn thành rà soát và xác định danh mục đối tác, tổ chức, cơ chế hợp tác và sáng kiến ưu tiên; (2) Số lượng chương trình, diễn đàn, mạng lưới và cơ chế quốc tế về chuyển đổi số mà Bộ tham gia; (3) Số lượng chương trình, dự án, thỏa thuận hợp tác quốc tế được triển khai;
32.	Quyết định số 1266/QĐ-TTg	Có chính sách ưu đãi đặc thù về môi trường làm việc để thu hút các chuyên gia công nghệ, nhà khoa học dữ liệu hàng đầu thế giới về Việt Nam làm việc	Rà soát nhu cầu nhân lực chất lượng cao phục vụ chuyển đổi số, phát triển dữ liệu, trí tuệ nhân tạo và các công nghệ số chiến	(1) Báo cáo đánh giá nhu cầu nhân lực chất lượng cao; (2) Danh mục vị trí, lĩnh vực và	Vụ Khoa học công nghệ, Đào tạo và Môi trường	Vụ Tổ chức cán bộ, Vụ Kế hoạch, Tài chính và các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ	2026-2030	(1) Hoàn thành xác định nhu cầu và danh mục lĩnh vực cần thu hút chuyên gia;

STT	Căn cứ	Nhiệm vụ trọng tâm giai đoạn 2026–2030	Nhiệm vụ ưu tiên năm 2026	Sản phẩm đầu ra	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Tiến độ	Chỉ tiêu theo dõi, đánh giá
			lược trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch	chuyên môn cần thu hút; (3) Phương án/cơ chế thu hút, sử dụng chuyên gia theo thẩm quyền; (4) Danh sách chuyên gia, tổ chức, mạng lưới chuyên gia tiềm năng; (5) Các chương trình, nhiệm vụ, dự án có sự tham gia của chuyên gia trong và ngoài nước;				(2) Xây dựng phương án, cơ chế thu hút và sử dụng chuyên gia theo thẩm quyền; (3) Số lượng chuyên gia công nghệ, AI, dữ liệu và chuyên gia có trình độ cao được thu hút, mời tham gia các nhiệm vụ của Bộ tăng theo từng năm